

Số: 138/CV-DL
Về việc công bố thông tin BCTC bán
niên đã được soát xét năm 2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên đã được soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Mã chứng khoán: VTG
- Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 0254 3856446
- Email: ptckt@vungtautourist.com.vn Website: vungtautourist.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2026 (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh)
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

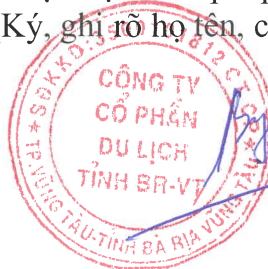
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/8/2026 tại đường dẫn <http://vungtautourist.com.vn/quan-he-co-dong.html>. (Mục quan hệ cổ đông).

Tài liệu đính kèm:

- BCTC tổng hợp bán niên đã được soát xét năm 2025 (bản tiếng Việt và tiếng Anh)
- BCTC hợp nhất bán niên đã được soát xét năm 2025 (bản tiếng Việt và tiếng Anh)
- Văn bản giải trình số 137/ CV-DL ngày 27/8/2026 (bản tiếng Việt và tiếng Anh)

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026
đến ngày 30 tháng 6 năm 2026



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0254) 385 6445
Fax: (0254) 385 6444
Website: <http://www.vungtautourist.com.vn>
Email: info@vungtautourist.com

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán: VTG
Sàn giao dịch: UPCoM

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động từ 31 tháng 12 năm 2019 và đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	14/08/2023
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	14/08/2023
Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên	14/08/2023
Ông Trần Văn Phát	Thành viên	14/08/2023
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	14/08/2023

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	14/08/2023
Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên	14/08/2023
Bà Huỳnh Hồng Thảo	Thành viên	14/08/2023

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Văn Phát	Phó Tổng Giám đốc	18/09/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	03/09/2020

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Hội đồng quản trị được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



THAI HOÀNG THÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2026



Số: 243/2026/BCSX-HCM.00768

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

1. Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư mà theo chúng tôi là cần được ghi nhận cho phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, cụ thể:
 - Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTtr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Quyết định số 172/QĐ-TTtr và Quyết định số 182/QĐ-TTtr ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 91.099.278.151 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư với số tiền là 3.658.061.609 VND cho diện tích sử dụng kinh doanh là 54.171,10 m² tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân.
 - Đồng thời, Công ty cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho các năm 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 9.374.460.461 VND, 14.302.492.149 VND, 18.639.365.097 VND và 20.606.698.652 VND.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp theo)

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 157.680.356.119 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ thì chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ sẽ tăng và giảm tương ứng.

- Như được nêu tại Thuyết minh 5.10 trong Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận chi phí tiền thuê đất và các khoản truy thu tiền thuê đất và tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 67.540.692.087 VND. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào công ty con cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.
- Như được nêu tại Thuyết minh 8.3 trong Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty nhận thấy việc ban hành Quyết định 3207/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất bao gồm tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng trên đất dựa trên cơ sở sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 là không phù hợp. Công ty đã làm đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan hữu quan. Vụ việc đang được Bộ Tài chính thụ lý và giải quyết.

Trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty chưa ghi nhận việc bàn giao 10 (mười) cơ sở nhà, đất này và ghi giảm vốn Nhà nước tương ứng cũng như chưa thực hiện hồi tố khoản doanh thu này theo các kỳ kế toán tương ứng.

Từ chối đưa ra kết luận

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, do tầm quan trọng của các vấn đề được trình bày tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về tình hình tài chính của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.



BUI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0071-2023-009-1

Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2026

BUI NHẬT HUY

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5545-2026-009-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.924.051.384	94.287.337.714
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.217.664.852	1.016.357.128
Tiền	111		3.517.189.236	1.016.357.128
Các khoản tương đương tiền	112		700.475.616	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	35.127.117.865	34.175.426.682
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		35.127.117.865	34.175.426.682
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.157.669.657	42.412.814.842
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.126.570.579	21.189.927.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.393.775.896	1.578.932.428
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5.1	45.318.150.621	45.344.782.853
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(25.680.827.439)	(25.700.827.439)
Hàng tồn kho	140	5.7	784.841.428	554.741.907
Hàng tồn kho	141		784.841.428	554.741.907
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		16.636.757.582	16.127.997.155
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8.1	770.760.731	292.528.590
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.13	15.865.996.851	15.835.468.565
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.377.843.909	66.840.405.448
Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	215	5.5.2	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220		13.809.683.300	14.958.610.237
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	13.809.683.300	14.958.610.237
Nguyên giá	222		75.753.998.754	75.753.998.754
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.944.315.454)	(60.795.388.517)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260	5.10	48.476.967.575	48.476.967.575
Đầu tư vào công ty con	261		47.664.335.615	47.664.335.615
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		1.190.000.000	1.190.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		62.467.614.431	62.467.614.431
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(62.844.982.471)	(62.844.982.471)
Tài sản dài hạn khác	270		3.591.193.034	2.904.827.636
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8.2	3.591.193.034	2.904.827.636
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		165.301.895.293	161.127.743.162

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		37.654.360.225	37.769.400.747
Nợ ngắn hạn	310		23.387.818.962	23.502.859.484
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.523.111.656	932.230.508
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	571.420.718	508.013.635
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	12.165.532.297	12.206.532.360
Phải trả người lao động	315		24.970.125	675.732.323
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		99.222.222	301.465.481
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.14.1	2.108.182.725	2.122.455.989
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.15.1	6.733.348.508	6.594.398.477
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		162.030.711	162.030.711
Nợ dài hạn	330		14.266.541.263	14.266.541.263
Phải trả dài hạn khác	338	5.14.2	214.198.650	214.198.650
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.15.2	14.052.342.613	14.052.342.613
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.647.535.068	123.358.342.415
Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.16	186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(70.035.774.651)	(74.324.967.304)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(74.324.967.304)	(37.565.560.727)
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		4.289.192.653	(36.759.406.577)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		165.301.895.293	161.127.743.162

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng

THÁI HOÀNG THÂN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	18.396.532.978	12.602.804.039
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.396.532.978	12.602.804.039
Giá vốn hàng bán	11	6.2	13.953.400.946	11.657.786.015
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.443.132.032	945.018.024
Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	2.254.136.036	1.427.902.367
Chi phí tài chính	23	6.4	-	5.793.031.506
Trong đó: chi phí đi vay	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	633.440.741	486.251.479
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.061.680.603	4.682.984.640
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.002.146.724	(8.589.347.234)
Thu nhập khác	31	6.7	3.289.663.127	2.714.117.809
Chi phí khác	32		2.617.198	22.965.514
Lợi nhuận khác	40		3.287.045.929	2.691.152.295
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.289.192.653	(5.898.194.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.289.192.653	(5.898.194.939)


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng




THÁI HOÀNG THÂN
Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.289.192.653	(5.898.194.939)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.9	1.148.926.937	1.167.374.058
Các khoản dự phòng	03	5.6; 5.10	(20.000.000)	5.791.531.506
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	6.3	(2.254.136.036)	(2.588.646.537)
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		3.163.983.554	(1.527.935.912)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		244.616.899	119.732.320
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(230.099.521)	97.741.850
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(253.990.553)	(435.955.419)
(Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.164.597.539)	(714.216.766)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.759.912.840	(2.460.633.927)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	2.545.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.340.000.000)	(25.435.668)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.506.912.349	2.700.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	738.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.135.532.504	1.432.806.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.302.444.853	4.847.915.930
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	5.15	138.950.031	138.950.032
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		138.950.031	138.950.032
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		3.201.307.724	2.526.232.035
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.1	1.016.357.128	3.217.972.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	4.217.664.852	5.744.204.041

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng

THAI HOÀNG THÂN

Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND (Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán:	VTG
Sàn giao dịch:	UPCoM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- In ấn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Quảng cáo;
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác; và
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lễ hành.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của công ty

Trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn	50,07	50,07	50,07
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động vui chơi, giải trí; Dịch vụ du lịch ngắn ngày; Nhà hàng ăn uống, phục vụ lưu động; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.	96,18	96,18	96,18

Theo quyết định số 7024/QĐ-CTBRV ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn GTGT; do đó, Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong tạm ngừng hoạt động bắt đầu từ ngày 01/01/2026 cho đến khi có thông báo mới nhất theo thông báo số 12/TB-DLNP ngày 16 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	29 Trần Hưng Đạo, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.	100,00	100,00	100,00

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu trong năm 2016. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục giải thể có liên quan.

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	35,00	35,00	35,00

Các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động từ 31 tháng 12 năm 2019 và đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh	Tạm ngừng hoạt động đến 30 tháng 4 năm 2027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Kỳ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các chỉ tiêu so sánh được phân loại và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho kỳ kế toán hiện tại trên cơ sở phi hồi tố. Trường hợp có điều chỉnh, phân loại hoặc thay đổi cách trình bày các khoản mục so sánh, Công ty đã thực hiện phân loại lại các số liệu kỳ trước cho phù hợp nhằm đảm bảo tính so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính.

Các thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này có thể so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước, trừ những khoản mục được trình bày tại Thuyết minh 8.5 Thông tin so sánh.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số nhân viên của Công ty là 75 người (31/12/2025: 72 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành Thông tư 99 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của toàn Công ty bao gồm thông tin tài chính của cả trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc có phân cấp hay không phân cấp cho đơn vị trực thuộc lập Báo cáo tài chính. Các giao dịch nội bộ, số dư giữa các đơn vị trực thuộc được phân cấp Báo cáo tài chính và giữa trụ sở chính với các đơn vị trực thuộc được phân cấp lập Báo cáo tài chính được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định hữu hình khi hoàn thành, bàn giao tài sản cố định đưa vào sử dụng được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 10

4.7 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo về quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

4.12 Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.14 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan

Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt – VND	270.547.636	230.006.323
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND		
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.474.576.378	356.602.322
• Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam	310.901.026	203.331.794
• Các ngân hàng khác	461.164.196	226.416.689
Tương đương tiền (*)		
• Ngân hàng TMCP Nam Á	500.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	200.475.616	-
	4.217.664.852	1.016.357.128

(*) Các số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, với kỳ hạn 01 tháng, bao gồm tiền gốc, lãi suất 4,75%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng (*)						
Ngân hàng TMCP Đại Chung Việt Nam	18.000.000.000	18.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	11.000.000.000	11.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Nam Á	4.140.000.000	4.140.000.000	-	4.506.912.349	4.506.912.349	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-	-
Lãi dự thu	787.117.865	787.117.865	-	668.514.333	668.514.333	-
	35.127.117.865	35.127.117.865	-	34.175.426.682	34.175.426.682	-

(*) Lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng là 3,40 – 8,50%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	(107.732.930)	107.732.930	(107.732.930)
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	5.428.508.862	(5.428.508.862)	5.428.508.862	(5.428.508.862)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	(3.878.297.384)	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	(2.466.577.510)	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Các khách hàng khác	9.245.453.893	(8.228.776.938)	9.308.810.314	(8.248.776.938)
	21.126.570.579	(20.109.893.624)	21.189.927.000	(20.129.893.624)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Trả trước cho các nhà cung cấp khác		
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	964.454.130	964.454.130
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chinh Phong	176.542.459	176.542.459
Các nhà cung cấp khác	252.779.307	437.935.839
	1.393.775.896	1.578.932.428

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị ghi sổ VND	30/06/2026 Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	01/01/2026 Giá trị dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm – ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng cho nhân viên	1.732.270.685	(1.250.270.685)	1.746.270.685	(1.250.270.685)
BHXX nộp thừa	-	-	23.124.751	-
Công ty cổ phần TM Du lịch Vũng Tàu – Sài Gòn – cổ tức	115.769.425	-	115.769.425	-
Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu				
• Tiền bồi thường (*)	29.758.714.724	-	29.758.714.724	-
• Tạm nộp tiền thuê đất	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.700.970.787	(2.953.665.905)	3.690.478.268	(2.953.665.905)
	45.318.150.621	(4.203.936.590)	45.344.782.853	(4.203.936.590)

(*) Xem thuyết minh số 8.4.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị ghi sổ VND	30/06/2026 Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	01/01/2026 Giá trị dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-
	500.000.000	-	500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RIA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	30/06/2026 Giá trị dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	01/01/2026 Giá trị dự phòng VND
Phải thu khách hàng								
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Trên 3 năm	107.732.930	-	(107.732.930)	Trên 3 năm	107.732.930	-	(107.732.930)
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	Trên 3 năm	5.428.508.862	-	(5.428.508.862)	Trên 3 năm	5.428.508.862	-	(5.428.508.862)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	-	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.878.297.384	-	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	-	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	-	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	-	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	-	(1.825.472.115)
Công ty TNHH Thiện Trăn	Trên 3 năm	1.438.306.242	-	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	-	(1.438.306.242)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	4.964.998.581	-	(4.964.998.581)	Trên 3 năm	4.984.998.581	-	(4.984.998.581)
Phải thu khác								
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.203.936.590	-	(4.203.936.590)	Trên 3 năm	4.203.936.590	-	(4.203.936.590)
Trả trước người bán								
Các nhà cung cấp khác	Trên 3 năm	1.366.997.225	-	(1.366.997.225)	Trên 3 năm	1.366.997.225	-	(1.366.997.225)
		25.680.827.439	-	(25.680.827.439)		25.700.827.439	-	(25.700.827.439)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Số dư đầu kỳ	25.700.827.439	25.705.827.439
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(20.000.000)	(1.500.000)
Số dư cuối kỳ	25.680.827.439	25.704.327.439

5.7 Hàng tồn kho

	Giá gốc VND	30/06/2026 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2026 Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	379.676.699	-	389.396.831	-
Công cụ, dụng cụ	249.616.538	-	8.772.486	-
Hàng hóa	155.548.191	-	156.572.590	-
	784.841.428	-	554.741.907	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	171.569.753	100.914.788
Chi phí sửa chữa	472.615.348	73.034.706
Chi phí khác	126.575.630	118.579.096
	770.760.731	292.528.590

5.8.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	906.471.473	843.934.009
Chi phí sửa chữa	2.356.492.941	1.271.446.264
Chi phí khác	328.228.620	789.447.363
	3.591.193.034	2.904.827.636

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.9 **Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, đồ dùng quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	64.604.035.817	7.917.250.940	2.417.795.454	575.983.943	238.932.600	75.753.998.754
Tại ngày 30/06/2026	64.604.035.817	7.917.250.940	2.417.795.454	575.983.943	238.932.600	75.753.998.754
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	50.000.676.035	7.694.538.302	2.285.257.637	575.983.943	238.932.600	60.795.388.517
Khấu hao trong kỳ	1.059.272.154	51.786.827	37.867.956	-	-	1.148.926.937
Tại ngày 30/06/2026	51.059.948.189	7.746.325.129	2.323.125.593	575.983.943	238.932.600	61.944.315.454
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	14.603.359.782	222.712.638	132.537.817	-	-	14.958.610.237
Tại ngày 30/06/2026	13.544.087.628	170.925.811	94.669.861	-	-	13.809.683.300
Trong đó:						
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng						
Tại ngày 01/01/2026	14.306.558.900	6.948.705.485	2.390.305.818	575.983.943	238.932.600	24.460.486.746
Tại ngày 30/06/2026	14.306.558.900	7.606.978.212	1.660.436.363	575.983.943	238.932.600	24.388.890.018

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại chiếm từ 10% trở lên trên tổng giá trị còn lại, bao gồm:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Công trình Khách sạn Sammy Vũng Tàu (Địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh)	47.597.241.524	34.487.758.779	13.109.482.745

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

30/06/2026				01/01/2026			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con							
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	(i) 9.868.495.615	9.868.495.615	-		9.868.495.615	9.868.495.615	-
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	(ii) 37.795.840.000	-	(37.795.840.000)		37.795.840.000	-	(37.795.840.000)
	47.664.335.615	9.868.495.615	(37.795.840.000)		47.664.335.615	9.868.495.615	(37.795.840.000)
Đầu tư vào công ty liên kết							
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạt (iii)	1.190.000.000	-	(1.190.000.000)		1.190.000.000	-	(1.190.000.000)
	1.190.000.000	-	(1.190.000.000)		1.190.000.000	-	(1.190.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông (iv)	13.000.000.000	12.740.979.342	(259.020.658)		13.000.000.000	12.740.979.342	(259.020.658)
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn – Bình Châu	28.602.790.000	15.853.381.084	(12.749.408.916)		28.602.790.000	15.853.381.084	(12.749.408.916)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	9.390.560.000	9.390.560.000	-		9.390.560.000	9.390.560.000	-
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	90	(3.468.701.564)		3.468.701.654	90	(3.468.701.564)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạt (v)	2.784.000.000	-	(2.784.000.000)		2.784.000.000	-	(2.784.000.000)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	1.169.190.000	-	(1.169.190.000)		1.169.190.000	-	(1.169.190.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	-	(800.000.000)		800.000.000	-	(800.000.000)
Công ty cổ phần San Hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	623.551.444	(176.448.556)		800.000.000	623.551.444	(176.448.556)
Công ty TNHH Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	-	(2.452.372.777)		2.452.372.777	-	(2.452.372.777)
	62.467.614.431	38.608.471.960	(23.859.142.471)		62.467.614.431	38.608.471.960	(23.859.142.471)
	111.321.950.046	48.476.967.575	(62.844.982.471)		111.321.950.046	48.476.967.575	(62.844.982.471)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- (i) Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500736379 đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 12 tháng 6 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 15.380.000.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 7.700.000.000 VND, tương đương 50,07% vốn điều lệ.
- (ii) Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29 tháng 3 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 39.295.840.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 37.795.840.000 VND, tương đương 96,18% vốn điều lệ.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, bao gồm:

Số chưa ghi
nhận vào BCTC
VND

Theo Kết luận Thanh tra số 261/QĐ-TTtr ngày 17 tháng 9 năm 2018, các Quyết định số 173/QĐ-TTtr và 177/QĐ-TTtr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

- | | |
|---|----------------|
| • Khoản truy thu tiền thuê đất từ 10 tháng 01 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2017 | 28.397.591.059 |
| • Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) | 3.582.625.227 |

Theo Thông báo tạm nộp tiền thuê đất và Thông báo điều chỉnh tiền thuê đất từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, tiền thuê đất các năm:

- | | |
|------------|-----------------------|
| • Năm 2018 | 5.283.594.979 |
| • Năm 2019 | 7.946.978.002 |
| • Năm 2020 | 10.290.158.966 |
| • Năm 2021 | 12.039.743.854 |
| | 67.540.692.087 |

Theo đó, Công ty chỉ trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 chưa bao gồm các khoản truy thu tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng nêu trên.

Theo quyết định số 7024/QĐ-CTBRV ngày 28 tháng 07 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc cưỡng chế bằng biện pháp ngưng sử dụng hóa đơn GTGT, công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong đã tạm ngưng hoạt động bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 cho đến khi có thông báo mới nhất theo thông báo số 12/TB-DLNP ngày 16 tháng 12 năm 2025.

- (iii) Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454961 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02 tháng 8 năm 2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty cổ phần Giải trí Minh Đạm đầu tư Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- (iv) Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 350.000.000.000 VND. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vốn góp của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 13.000.000.000 VND tương ứng với 3,71% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (v) Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 1114/UBND-VP ngày 02 tháng 6 năm 2014 về việc thu hồi 152.619,5 m² đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Số dư đầu kỳ	62.844.982.471	28.737.019.194
Trích lập trong kỳ	-	5.793.031.506
Số dư cuối kỳ	62.844.982.471	34.530.050.700

Các cam kết góp vốn của Công ty chưa thực hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư VND	Vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ %	Tình hình thực hiện góp vốn của Công ty Vốn đã góp đến 30/06/2026 VND	Vốn chưa góp đến 30/06/2026 VND
Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	35,00	1.190.000.000	5.810.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty cổ phần Du lịch Sinh Thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	5,83	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	10,00	2.784.000.000	7.216.000.000

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Phượng	334.108.450	128.517.500
Các nhà cung cấp khác	1.189.003.206	803.713.008
	1.523.111.656	932.230.508

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	571.420.718	508.013.635
	571.420.718	508.013.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.13 Thuế

Thuế các khoản phải thu Nhà nước và phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2026	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	321.598.273	808.680.776	(799.571.611)	-	330.707.438
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.214.311	-	-	-	3.214.311
Thuế TNDN	308.146.087	-	-	-	308.146.087	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.679.801	-	42.920.979	(73.449.265)	34.208.087	-
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất	15.523.642.677	11.869.160.541	2.829.785.830	(2.872.726.699)	15.523.642.677	11.826.219.672
(ia)	-	11.869.160.541	2.829.785.830	(2.872.726.699)	-	11.826.219.672
(ib)	15.523.642.677	-	-	-	15.523.642.677	-
Các loại thuế khác	-	12.559.235	68.328.534	(75.496.893)	-	5.390.876
• Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	20.791.398	(20.791.398)	-	-
• Thuế khác	-	12.559.235	47.537.136	(54.705.495)	-	5.390.876
Cộng	15.835.468.565	12.206.532.360	3.749.716.119	(3.821.244.468)	15.865.996.851	12.165.532.297

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT là 8% – 10%.

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

(ia) Chi tiết tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (Xem thuyết minh số 8.2).

(ib) Năm 2021, Công ty bị cưỡng chế từ tài khoản tiền gửi ngân hàng số tiền 15.523.642.677 VND theo Quyết định số 2734/QĐ-CCTKV, 2735/QĐ-CCTKV, 2736/QĐ-CCTKV, 2737/QĐ-CCTKV ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.289.192.653	(5.898.194.939)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Cổ tức được chia	(1.241.335.000)	(500.700.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	3.047.857.653	(6.398.894.939)
Chuyển lỗ	(3.047.857.653)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Thuế (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm – thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong – nhận ký quỹ	-	36.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	132.956.128	103.950.389
Cổ tức phải trả (năm 2011)	38.461.800	38.461.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	625.850.000	625.850.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.295.719.070	1.302.998.073
	2.108.182.725	2.122.455.989

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – phải trả khác	249.800	249.800
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	213.948.850	213.948.850
	214.198.650	214.198.650

5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.15.1 Vay ngắn hạn

		30/06/2026		01/01/2026
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>				
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Văn	(i)	6.733.348.508	6.733.348.508	6.594.398.477
		6.733.348.508	6.594.398.477	6.594.398.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Vay ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

(i) Vay ngắn hạn Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân

Số tiền vay
VND

Hợp đồng vay ngày 20 tháng 12 năm 2017	5.023.136.704
Hợp đồng vay số 10/2020/HĐCV.DLVT ngày 31/12/2020	787.337.577
Hợp đồng vay số 02/2022/HĐCV.DLVT ngày 30/06/2022	80.104.031
Hợp đồng vay số 10/2022/HĐCV.DLVT ngày 31/12/2022	172.730.098
Hợp đồng vay số 06/2023/HĐCV.DLTV ngày 30/06/2023	57.576.699
Hợp đồng vay số 16/2023/HĐCV.DLTV ngày 29/12/2023	149.305.842
Hợp đồng vay số 10/2024/HĐCV.DLTV ngày 29/06/2024	92.624.140
Hợp đồng vay số 04/2025/HĐCV.DLTV ngày 30/06/2025	138.950.032
Hợp đồng vay số 12/2025/HĐCV.DLTV ngày 31/12/2025	92.633.354
Hợp đồng vay số 02/2026/HĐCV.DLTV ngày 30/06/2026	138.950.031

Thời hạn vay: Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn hoạt động.

Lãi suất: 0,0%/năm.

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 6.733.348.508 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2026	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.594.398.477	138.950.031	-	6.733.348.508
	6.594.398.477	138.950.031	-	6.733.348.508

5.15.2 Vay dài hạn

		30/06/2026		01/01/2026
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND

Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng TMCP Ngoại
thương Việt Nam – Chi nhánh
Bà Rịa – Vũng Tàu (*)

14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613

(*) Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoanh nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2026	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613
	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

5.16 Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	186.445.000.000	11.238.309.719	(37.565.560.727)	160.117.748.992
Lỗi trong kỳ	-	-	(5.898.194.939)	(5.898.194.939)
Tại ngày 30/06/2025	186.445.000.000	11.238.309.719	(43.463.755.666)	154.219.554.053
Lỗi trong kỳ	-	-	(30.861.211.638)	(30.861.211.638)
Tại ngày 31/12/2025	186.445.000.000	11.238.309.719	(74.324.967.304)	123.358.342.415
Tại ngày 01/01/2026	186.445.000.000	11.238.309.719	(74.324.967.304)	123.358.342.415
Lãi trong kỳ	-	-	4.289.192.653	4.289.192.653
Tại ngày 30/06/2026	186.445.000.000	11.238.309.719	(70.035.774.651)	127.647.535.068

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán: VTG
Sàn giao dịch: UPCoM

Chi tiết vốn góp của các cổ đông:

Cổ đông	30/06/2026		01/01/2026	
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	10.978.400	58,88	10.978.400	58,88
Các cổ đông khác	7.666.100	41,12	7.666.100	41,12
	18.644.500	100,00	18.644.500	100,00

5.16.3 Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí	16.178.489.490	10.429.065.612
Doanh thu dịch vụ lữ hành	2.218.043.488	2.173.738.427
	18.396.532.978	12.602.804.039

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí	12.103.955.191	9.809.219.853
Giá vốn dịch vụ lữ hành	1.849.445.755	1.848.566.162
	13.953.400.946	11.657.786.015

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi	1.012.801.036	927.202.367
Cổ tức được chia	1.241.335.000	500.700.000
	2.254.136.036	1.427.902.367

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn	-	5.793.031.506
	-	5.793.031.506

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên	173.811.433	127.159.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.272.736	9.272.736
Chi phí khác	450.356.572	349.819.235
	633.440.741	486.251.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên	3.429.057.804	3.106.047.375
Chi phí thuê đất	565.543.038	580.104.567
Chi phí khác	1.067.079.761	996.832.698
	5.061.680.603	4.682.984.640

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Thu nhập từ bồi thường khắc phục thiệt hại	3.285.513.127	-
Bồi thường từ thu hồi đất	-	1.158.198.715
Tiền thuê đất được giảm	-	1.531.461.947
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	2.545.455
Thu nhập khác	4.150.000	21.911.692
	3.289.663.127	2.714.117.809

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.381.192.530	3.373.106.956
Chi phí nhân công	5.962.897.250	5.184.103.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.148.926.937	1.167.374.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.929.368.474	4.398.892.703
Chi phí khác	3.226.137.099	2.703.545.157
	19.648.522.290	16.827.022.134

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

7.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Rủi ro về lãi suất

Công ty quản lý rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

7.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/06/2026				
Phải trả người bán	1.523.111.656	-	-	1.523.111.656
Các khoản vay	6.733.348.508	-	14.052.342.613	20.785.691.121
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.074.448.819	214.198.650	-	2.288.647.469
	10.330.908.983	214.198.650	14.052.342.613	24.597.450.246
01/01/2026				
Phải trả người bán	932.230.508	-	-	932.230.508
Các khoản vay	6.594.398.477	-	14.052.342.613	20.646.741.090
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.319.971.081	214.198.650	-	2.534.169.731
	9.846.600.066	214.198.650	14.052.342.613	24.113.141.329

Tài sản đảm bảo

Công ty nắm giữ tài sản bảo đảm của các bên khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 839.798.850 VND và tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 875.798.850 VND.

Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.217.664.852	1.016.357.128	4.217.664.852	1.016.357.128
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	35.127.117.865	34.175.426.682	35.127.117.865	34.175.426.682
Đầu tư dài hạn	38.608.471.960	38.608.471.960	38.608.471.960	38.608.471.960
Phải thu khách hàng	1.016.676.955	1.060.033.376	1.016.676.955	1.060.033.376
Các khoản phải thu khác	40.632.214.031	40.621.721.512	40.632.214.031	40.621.721.512
Tổng cộng	119.602.145.663	115.482.010.658	119.602.145.663	115.482.010.658
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.523.111.656	932.230.508	1.523.111.656	932.230.508
Các khoản vay	20.785.691.121	20.646.741.090	20.785.691.121	20.646.741.090
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	2.288.647.469	2.534.169.731	2.288.647.469	2.534.169.731
Tổng cộng	24.597.450.246	24.113.141.329	24.597.450.246	24.113.141.329

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Hội đồng quản trị cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Ông Thái Hoàng Thân	237.700.000	238.100.000
Ông Trần Văn Phát	164.900.000	-
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	159.537.500	159.537.500
	562.137.500	397.637.500

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Vay Cổ tức được chia	138.950.031 325.455.000	138.950.032 500.700.000

Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Cho thuê văn phòng	-	72.000.000
---	--------------------	---	------------

Số dư phải thu/ (phải trả) các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Vay ngắn hạn	(6.733.348.508)	(6.594.398.477)
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Phải trả khác	-	(36.000.000)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Phải thu khách hàng Phải thu khác Phải trả khác	107.732.930 10.425.000 (15.195.727)	107.732.930 10.425.000 (15.195.727)

8.2 Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đã đầu tư, Công ty đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

Tiền thuê đất phải nộp

Từ năm 2006 đến 31 tháng 12 năm 2017

Theo các Quyết định và Kết luận của Thanh Tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty phải ghi nhận chi phí và nộp tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu vực Bãi tắm Thủy Vân, Thành phố Vũng tàu, cụ thể:

Theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 ngày 9 tháng 2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

	Từ năm 2006 đến năm 2017 VND	Giảm khác VND	Đã ghi vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Tiền thuê đất	107.498.702.141	-	16.399.423.990	91.099.278.151
Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư	3.658.061.609	-	-	3.658.061.609
Cộng (a)	111.156.763.750	-	16.399.423.990	94.757.339.760

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2021

Theo các Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, tiền thuê đất tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu (diện tích 54.171,10 m²) cho các năm từ 2018 đến 2021 như sau:

Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu		Thông báo số 9774/TB-CCTKV ngày 29/12/2021	Đã ghi vào BCTC các năm	Số chưa ghi nhận vào BCTC
VND		VND	VND	VND
Tiền thuê đất năm 2018	3305/160/TB-CCT ngày 27/04/2018; 8927/160/TB-CCT ngày 26/09/2018	15.015.061.246	(2.694.982.025)	2.945.618.760
Tiền thuê đất năm 2019	3590/160/TB-CCT ngày 22/04/2019; 10142/160/TB-CCT ngày 20/09/2019	21.021.085.744	(3.772.974.835)	2.945.618.760
Tiền thuê đất năm 2020	1926/152/TB-CCT ngày 24/04/2020; 8934/152/TB-CCT ngày 18/09/2020	26.306.584.390	(4.721.600.533)	2.945.618.760
Tiền thuê đất năm 2021	3288/149/TB-CCTKV ngày 26/04/2021; 6601/46/TB-CCTKV ngày 24/09/2021	26.306.584.391	(2.754.266.979)	2.945.618.760
Cộng (b)		88.649.315.771	(13.943.824.372)	11.782.475.040
Tổng cộng (a) + (b)		199.806.079.521	(13.943.824.372)	28.181.899.030
				157.680.356.119

Căn cứ văn bản số 19121/UBND-VP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đồng ý theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại văn bản số 1961/TTr-NV2 ngày 07 tháng 12 năm 2021 không tính tiền thuê đất phần diện tích bãi cát đối với các doanh nghiệp tại Bãi Sau (từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở về sau) do bãi cát sử dụng công cộng (không sử dụng vào mục đích kinh doanh) và văn bản số 9616/CT-HKDCN ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xử lý kiến nghị của các doanh nghiệp về tiền thuê đất từ sau từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 liên quan diện tích bãi cát tại Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo thông báo về việc điều chỉnh tiền thuê đất khu vực Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu (không bao gồm diện tích bãi cát 13.028,30 m²).

Số tiền thuê đất giảm của phần diện tích bãi cát được tính từ ngày từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 13 tháng 7 năm 2021 là 13.943.824.372 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.3 Việc thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Công ty được UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao quản lý, sử dụng một số tài sản; trong đó, có nhà và công trình xây dựng tại 10 (mười) cơ sở nhà, đất. Tại thời điểm thực hiện phương án cổ phần hóa được phê duyệt, Công ty đã tiến hành kê khai hạch toán giá trị nhà và công trình xây dựng tại 10 (mười) cơ sở nhà, đất này tính vào phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp. Cụ thể, UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã góp giá trị nhà và công trình xây dựng để sở hữu số cổ phần tại Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tương ứng với giá trị tài sản đã góp và tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này theo phương án cổ phần hóa.

Theo Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Quyết định 3207/QĐ-UBND”) về việc thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và giao cho Trung tâm Quản lý và Phát triển Nhà ở tỉnh quản lý, Công ty có trách nhiệm bàn giao nguyên trạng 10 (mười) cơ sở nhà, đất này; báo cáo kê khai và hạch toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật; nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc cho thuê không đúng quy định vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4, Điều 15, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Công ty nhận thấy việc ban hành Quyết định 3207/QĐ-UBND thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất bao gồm tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng trên đất dựa trên cơ sở sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 là chưa phù hợp và công ty đã làm đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan hữu quan:

- Đơn khiếu nại ngày 20 tháng 12 năm 2022 gửi Chủ tịch UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; và
- Đơn khiếu nại ngày 24 tháng 01 năm 2024 gửi Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Theo Biên bản làm việc về việc xác minh và đối thoại giải quyết vụ việc ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa Tổ xác minh thuộc Bộ Tài Chính, UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Công ty, thống nhất 10 (mười) cơ sở nhà, đất của Công ty tại Quyết định 3207/QĐ-UBND thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Riêng việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi 10 (mười) cơ sở nhà, đất này cũng như quy định về việc giảm vốn Nhà nước tại Công ty đang chờ hướng dẫn từ các cơ quan hữu quan.

Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty chưa ghi nhận việc bàn giao 10 (mười) cơ sở nhà, đất nêu trên và ghi giảm vốn Nhà nước tương ứng.

Khoản thu từ việc cho thuê 10 (mười) cơ sở nhà, đất nêu trên kể từ thời điểm có Quyết định thu hồi số 3207/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

	Doanh thu cho thuê nhà, đất VND
Doanh thu cho thuê nhà được ghi nhận vào kết quả kinh doanh	
• Từ 01/11/2022 đến 31/12/2022	358.363.636
• Năm 2023	1.256.228.957
• Năm 2024	1.232.000.000
• Năm 2025	1.222.909.092
• Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	611.454.546
	4.680.956.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.4. Thông tin khác

Số tiền bồi thường mà Công ty nhận được theo quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

1. Theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường cho các đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi sau theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Công ty được nhận số tiền bồi thường là 167.849.100 VND.
2. Theo Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường nhà, vật kiến trúc trên đất cho 07 đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi Sau theo Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Công ty được nhận số tiền bồi thường là 27.361.496.132 VND.
3. Theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung vật kiến trúc (hồ bơi) trên đất cho 04 đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi sau theo Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Công ty được nhận số tiền bồi thường là 1.071.170.777 VND.
4. Theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung nhà, tài sản, vật kiến trúc trên đất phải tháo dỡ cho 02 đơn vị đang sử dụng đất tại Bãi sau theo Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để thực hiện Dự án Chính trang trục đường Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu, Công ty được nhận số tiền bồi thường là 1.158.198.715 VND.

Theo Biên bản xác nhận với Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 28 tháng 10 năm 2024 và Biên bản làm việc ngày 29 tháng 4 năm 2025, số tiền bồi thường 29.758.714.724 VND mà Công ty được nhận đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để cản trừ với khoản tiền nợ thuế theo Kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thanh tra tỉnh.

8.5. Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước khi trình bày lại 31/12/2025 VND	Trình bày lại VND	Số liệu sau khi trình bày lại 01/01/2026 VND	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	33.506.912.349	668.514.333	34.175.426.682	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	46.013.297.186	(668.514.333)	45.344.782.853	(i)

(i) Trình bày lại khoản lãi dự thu của tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN

Người đại diện theo pháp luật
Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026